

Số: 11/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 13 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 586/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Duy T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 133 đường Ngô Đức Kế, phường T, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2. Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 488/1/24 đường Phạm Văn Chiêu, phường 16, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Duy T và chị Trần Thị Thu T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 16, quận G, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 30/12/2019. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 488/1/24 đường Phạm Văn Chiêu, phường 16, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Anh Trần Duy T, chị Trần Thị Thu T xác định tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Trần Duy T và chị Trần Thị Thu T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại

trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Trần Duy T, chị Trần Thị Thu T xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Duy T, chị Trần Thị Thu T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Duy T, chị Trần Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 01 năm 2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Trần Duy T và chị Trần Thị Thu T.

- Về con chung: Anh Trần Duy T, chị Trần Thị Thu T xác nhận không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Duy T, chị Trần Thị Thu T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Duy T, chị Trần Thị Thu T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh Trần Duy T, chị Trần Thị Thu T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000812 ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục THADS Thành phố H;
- UBND phường 16, quận G, TP. Hồ Chí Minh (ĐKKH số: 302/2019, ngày 30/12/2019);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi